

Bản án số: **126/2018/HS-PT**
Ngày: 31-5-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Ông **Lê Lâm Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 06/2018/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh K G.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm: 1987, nơi sinh: T B, C M. Nơi cư trú: ấp X S, xã Hồ Thị K, huyện T B, tỉnh C M; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Bằng và bà Đỗ Thị Tím; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05-11-2017 đến ngày 06-12-2017 (Có mặt);

2. Nguyễn Văn Trí, sinh năm 1986, Nơi sinh: huyện Bến Lức, tỉnh Long An; Nơi cư trú: khóm 1, Phường 1, thành phố C M, tỉnh C M; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Mộng K; vợ: Lê

Thị Mỹ L, có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05-11-2017 đến ngày 01-02-2018. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/9/2017, Phan Văn H và Trần Văn T điều khiển xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe Exciter 135cm³, màu tím - đen, biển kiểm sát 69D - 31881 từ thành phố Cà Mau đến huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang để tìm T là vợ của T, nhưng không tìm được nên H và T chạy xe về đến thị trấn Thứ 11 khoảng 10 giờ, T và H thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ T T ở Khu phố 3, thị trấn Thứ 11. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T kêu H chạy xe chở T đi tìm tài sản để lấy trộm thì H đồng ý. H chạy xe chở T có mang theo dụng cụ gồm 02 cây kim (01 cây kim dùng để nhỏ đinh và 01 cây kim cộng lực) đến đầu lộ bến phà Thứ 10 thuộc ấp 10 Chợ A, xã Đ H, huyện A M xong thì quay về nhà nghỉ. T đi bộ vào kênh 10 Chợ khoảng 01km, trèo lên song cửa nhà sau vào nhà của anh Nguyễn Hữu P lấy trộm 01 cái Laptop hiệu Gateway màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Philips màu Xám- Đen. Sau đó Toàn đi qua cầu bắt ngang kênh dùng kim cộng lực cắt song cửa sổ (Loại thanh Inox tròn) đột nhập vào nhà anh Nguyễn Hoàng B lấy trộm 02 con heo đất, bên trong có khoảng 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Leagoo màu Hồng phấn. Toàn tiếp tục đột nhập vào nhà của ông Nguyễn Văn P (Kế bên nhà anh T) lấy trộm 01 cái laptop hiệu DELL (3552), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu T và 01 đồng hồ đeo tay (Loại của Nam) nhãn hiệu Senco màu vàng. Sau đó T qua cầu quay lại bên lộ nhựa thấy có 01 chiếc xe đạp sườn Inox đậu cặp hông nhà của bà Nguyễn Thị Y lấy làm phương tiện chạy ra bến phà Thứ 10. Khi đến tiệm tạp hóa của anh Nguyễn Hoàng V, T dùng kim cộng lực cắt lưới B40 đột nhập vào bên trong lấy trộm 08 ổ khóa lớn hiệu Alex New (04 ổ khóa mạ vàng, có chuông báo động và 04 ổ khóa mạ thau không có chuông báo động); khoảng 30-40 Card điện thoại các mạng Vinaphone, Mobiphone và Viettel, gồm nhiều mệnh giá từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng (Trị giá 2.000.000 đồng), tiền trong

tủ, trong con heo nhựa và 02 ví da nữ khoảng 3.000.000 đồng. Khi lấy trộm tài sản xong, Toàn mở chốt cửa nhà sau lên xe đạp chạy về hướng bến phà Thứ 10. T đã quăng bỏ 02 cây kim và chiếc xe đạp xuống kênh nhưng không xác định được vị trí nào. T điện thoại H đến rước, lúc này khoảng 04 giờ ngày 23/9/2017. Khi H chạy xe gần đến bến phà thì gặp T đang đi bộ, trên tay có cầm bọc nilong màu đen bên trong có Laptop, điện thoại di động, nhiều ổ khóa. T kêu H chở Toàn lên lộ Xuyên Á chờ còn H thì quay về nhà nghỉ T T trả phòng và quay lại chở T về C M. Khoảng 06 giờ cùng ngày, T kêu H điện thoại cho Lê Văn N ra uống cà phê và đưa tài sản vừa lấy trộm được để tiêu thụ. T, H và N gặp nhau tại quán cà phê Trung tâm hội nghị thành phố Cà Mau. Qua trao đổi thì N đồng ý tiêu thụ tài sản cho T, T đưa bọc nilong đen đựng tài sản cho N, lấy lại bọc ổ khóa và điện thoại di động hiệu Philips, Toàn sử dụng một thời gian bị hư hỏng nên quăng bỏ.

Lê Văn N bán 01 laptop hiệu DELL màu đen cho Nguyễn Văn T với giá 1.500.000 đồng (T sử dụng trong gia đình); 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 cảm ứng màu vàng đồng với giá 1.000.000 đồng, sau đó T bán cho chị Lê Huỳnh Thanh T ở gần nhà được 1.100.000 đồng (Điện thoại này của người tên P cho T, không xác định được chủ sở hữu); 01 điện thoại di động hiệu Leagoo cảm ứng, màu hồng phấn sử dụng, T cho lại cha vợ là ông Lê Văn Lý; 01 laptop hiệu Gateway màu đen bị hỏng bàn phím nên N cho T, T bán lại cho anh Lê Thái T gần nhà được 300.000 đồng, số tiền này N và T mua thức ăn và bia ăn, uống hết. Còn điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime màu trắng, N đưa T mang đi bỏ khóa dùm, sau đó đưa lại cho T sử dụng được 01 thời gian T bán lại cho 01 người thanh niên lạ được số tiền 1.800.000 đồng. Trước đó T có đưa cho N 01 điện thoại Obi Trung Quốc cảm ứng màu đen và 01 điện thoại Samsung Galaxy J2 màu vàng đồng (02 điện thoại trên của người tên Phương cho Toàn, Toàn đưa cho Nhỏ bán lấy tiền xài, không xác định được chủ sở hữu). Sau đó Nhỏ đưa cho T bán cho em vợ tên Lê Văn L điện thoại Samsung Galaxy J2 màu vàng đồng được 1.100.000 đồng và điện thoại hiệu Obi Trung Quốc, T bán cho chị Lâm Thị Phương Q được 500.000 đồng. Khi bán điện thoại xong thì T đến gặp N đưa

tiền bán điện thoại là 1.600.000 đồng, Nhỏ lấy 1.400.000 đồng đưa cho T và đưa cho T 200.000 đồng. Số tiền mà T mua Laptop và bán điện thoại di động đưa cho N lần sau là 2.600.000 đồng, N nhận 2.500.000 đồng, cho T 100.000 đồng. Sau khi nhận tiền của T, N đưa cho T số tiền 3.500.000 đồng, T cho N 400.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 15 tháng 11 năm 2017 và bản Kết luận định giá tài sản bổ sung số 01/ KL-HĐĐG ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A M

- 01 (Một) Laptop nhãn hiệu Gateway màu đen, giá trị còn lại 2.400.000 đồng.
- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Philips màu xám đen, giá trị còn lại 531.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Leagoo màu hồng phấn, giá trị còn lại 1.760.000 đồng;
- 01 (Một) Laptop nhãn hiệu DELL (3552) màu đen, giá trị còn lại 4.640.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, giá trị còn lại 5.032.000 đồng;
- 01 (Một) đồng hồ đeo tay (Loại của Nam) hiệu Senco, màu vàng, giá trị còn lại 1.360.000 đồng;
- 01 chiếc xe đạp có sườn kim loại Inox, có giá trị 900.000 đồng;
- 04 ổ khóa hiệu Alex New mạ vàng, có chuông báo động (loại lớn) có giá trị 880.000 đồng;
- 04 ổ khóa hiệu Alex New mạ thau, loại bình thường không có chuông báo động, có giá trị 440.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản định giá là 17.983.000 đồng và trị giá card điện thoại, tiền Việt Nam là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 27.983.000 đồng.

Về vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra 01 laptop nhãn hiệu DELL (3552) màu đen; 01 laptop nhãn hiệu Gateway màu đen; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Leagoo

màu hồng phấn; 02 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu vàng đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Obi Trung Quốc màu đen. Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A M đã giao trả tài sản cho những người bị hại gồm: 02 laptop, 01 điện thoại di động. Còn lại 03 điện thoại di động, gồm 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 (Có 01 cái bị bể màn hình không còn sử dụng được) và 01 điện thoại nhãn hiệu Obi Trung Quốc, không xác định được chủ sở hữu.

- Đối với phương tiện xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe Exciter 135cm³, màu tím - đen, biển kiểm sát 69D - 31881 mà Trần Văn T sử dụng đi trộm cắp tài sản là do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu, T đã bán xe trên cho người lạ, không xác định được địa chỉ nên không thu hồi được.

- 02 cây kim T dùng làm công cụ phạm tội, trên đường về đã quăng bỏ, không biết vị trí cụ thể nên không truy tìm được.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, Toàn làm phương tiện liên lạc với H, đã bị hư hỏng không còn sử dụng được nên T đã quăng bỏ.

- 01 điện thoại hiệu Samsung J5 màu trắng, ốp lưng màu hồng, có số sim 0943671033, Hòn dùng làm phương tiện liên lạc với T, khi về Cà Mau Hòn đã bán cho người thanh niên lạ mặt nên không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh K G đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn Nhỏ và Nguyễn Văn Trí** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn N 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 05/11/2017 đến ngày 06/12/2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 05/11/2017 đến ngày 01/02/2018.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 và ngày 16/4/2018, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn Trí có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh K G đã xét xử các bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn T và Phan Văn H lén lút trộm cắp tài sản của các người bị hại trên địa bàn huyện A M, tỉnh Kiên Giang. Sau khi có được tài sản do trộm cắp được, T và H trao đổi với bị cáo Lê Văn N kêu N tiêu thụ, bị cáo N đồng ý. Sau đó N nhờ T bẻ khóa điện thoại, N và T tiêu thụ tài sản trộm cắp được cho T và H. N thu lợi 400.000 đồng, T được cho 02 điện thoại và 300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T là không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ là do các bị cáo T và H trộm cắp mà có. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo N và T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo: Bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã tiêu thụ tài sản do các bị cáo khác trộm cắp được, tuy nhiên tài sản mà các bị cáo tiêu thụ không lớn, thu lợi bất chính không đáng kể. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Văn N có cha là người có công với cách mạng chưa được xem xét. Các bị cáo có đủ điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tức là dưới mức 6 tháng tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên mức án 06 tháng tù đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, nên cần giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội trở về hòa nhập xã hội đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hai bị cáo phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, số tiền thu lời không lớn mức án mà cấp sơ thẩm tuyên cho hai bị cáo hơi nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Viện kiểm sát để xem xét giảm án cho các bị cáo.

[5] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, i

khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh cho các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về mức hình phạt có phần nghiêm khắc nên chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

Sửa bản án sơ thẩm

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn N 04 (Bốn) tháng tù** về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 05/11/2017 đến ngày 06/12/2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 04 (Bốn) tháng tù** về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 05/11/2017 đến ngày 01/02/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh K G không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM.
- TAND cấp cao tại TPHCM.
- VKSND tỉnh.
- Trại tạm giam KG.
- Sở tư pháp
- TAND huyện
- THA huyện
- VKSND huyện
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến